

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ODA TẠI KHU VỰC TÂY BẮC VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan Anh*

Ngày nhận: 11/8/2015

Ngày nhận bản sửa: 5/01/2016

Ngày duyệt đăng: 25/6/2016

Tóm tắt:

Nghiên cứu được thực hiện tại khu vực Tây Bắc, với mục đích đánh giá hiệu quả sử dụng ODA đã và đang được triển khai tại khu vực. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dữ liệu khảo sát sau khi tiến hành kiểm định, các thang đo khảo sát đều đảm bảo độ tin cậy với hệ số Cronbach-alpha đều đạt mức trên 0,7. Trong các yếu tố thể hiện hiệu quả sử dụng ODA bao gồm tính phù hợp, tính hiệu quả, tính hiệu suất, tính tác động, tính bền vững được đánh giá ở mức trung bình khá, ngoài ra những yếu tố này vẫn có một vài điểm hạn chế, điều này cho thấy hiệu quả sử dụng ODA tại khu vực Tây Bắc là chưa cao. Từ những kết quả nghiên cứu này, tác giả sẽ tiếp tục mở rộng nghiên cứu, để tìm ra các nguyên nhân, giải pháp để cải thiện hiệu quả sử dụng ODA tại khu vực Tây Bắc.

Từ khóa: Hiệu quả sử dụng ODA, Khu vực Tây Bắc, ODA.

Effectiveness of ODA utilization in the Northwestern region of Vietnam

Abstract:

This research is conducted in the Northwestern region with the aim of assessing the effectiveness of ODA utilization that has been deployed in the region. The research findings show that the scales are reliable with Cronbach's alpha coefficients over 0.7. Some components of effectiveness of ODA utilization include relevance, effectiveness, efficiency, impact and sustainability show fairly average level. However, these components still show few limitations, suggesting that effectiveness of ODA utilization in the Northwestern region is not high. Future research can examine the causes and solutions to improve the effectiveness of ODA utilization in the Northwestern region.

Keywords: Effectiveness of ODA utilization; Northwestern region; ODA.

1. Giới thiệu

Việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong quá trình phát triển của đất nước đã và đang được sự quan tâm lớn của Đảng và Chính phủ Việt Nam. Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, năm 2013, các khoản ODA mà Việt Nam đã ký kết trong 20 năm qua đã được sử dụng có hiệu quả, là một nguồn tài chính đáng kể để hỗ trợ cho những nỗ lực của Việt Nam thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện đời sống

kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được những thành tựu phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội quan trọng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2013). Vì vậy, ngay bây giờ Chính phủ Việt Nam nói chung, các tỉnh thụ hưởng ODA nói riêng phải quan tâm đến việc làm gì, làm thế nào để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn này.

Khu vực Tây Bắc là vùng miền núi phía Tây của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam với tổng diện tích là 37,5 nghìn km² chiếm 11,3%

tổng diện tích toàn quốc, các dân tộc thiểu số chiếm trên 75% tổng dân số (Lê Thông & Nguyễn Quý Thao, 2012). Đến nay, khu vực này có số huyện nghèo chiếm trên một nửa của cả nước (43/62 huyện), trình độ dân trí thấp, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, chính trị chưa thực sự ổn định,... Nguồn vốn chủ yếu phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của khu vực là nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) tại địa phương và do Ngân sách trung ương cấp, nguồn FDI hầu như không có, ODA hàng năm của các tỉnh đáp ứng khoảng 3% tổng vốn đầu tư. Sử dụng ODA trong thời gian qua của vùng Tây Bắc còn gặp nhiều khó khăn như: khả năng bảo đảm vốn đối ứng cho các chương trình, dự án ODA thấp; các địa phương trong vùng chưa chủ động đưa ra những chính sách, giải pháp cụ thể thu hút nguồn vốn ODA; năng lực đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp huyện, xã, bản còn nhiều bất cập, thiếu về số lượng và yếu về chất lượng... (Ban Chỉ đạo Tây Bắc, 2013).

Nghiên cứu hiệu quả sử dụng ODA tại khu vực Tây Bắc, Việt Nam là nhằm làm rõ hiệu quả sử dụng ODA các tỉnh Tây Bắc hiện nay như thế nào để cung cấp thông tin chính xác về mức độ hiệu quả trong sử dụng ODA, từ đó, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý sẽ tiếp tục tìm giải pháp, đề xuất kiến nghị để nâng cao hiệu quả sử dụng ODA để ODA đóng góp tốt hơn trong phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh Tây Bắc.

2. Mô hình nghiên cứu

2.1. Thang đo nghiên cứu

Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm thực hiện mục đích xây dựng thang đo khảo sát, trong đó trình tự thực hiện gồm công việc: Xây dựng thang đo nghiên cứu, phỏng vấn ý kiến chuyên gia, tiến hành hiệu chỉnh thang đo.

Thang đo về đánh giá hiệu quả sử dụng ODA là thang đo đã được áp dụng trong quá trình đánh giá ODA của cơ quan Bộ phận đánh giá vốn ODA - Bộ Ngoại giao Nhật Bản (Ministry of Foreign Affairs of Japan, 2013), đồng thời cũng được dựa trên cơ sở sử dụng các chỉ tiêu đánh giá của tổ chức OECD (OECD, 1991). Từ đó, tác giả đã hiệu chỉnh một số ý nhằm phù hợp với điều kiện áp dụng tại khu vực Tây Bắc, Việt Nam.

Việc phỏng vấn, xin ý kiến của các chuyên gia được thực hiện thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp, trong đó tác giả phỏng vấn từng chuyên gia có

tham gia trong quá trình điều hành, quản lý các dự án ODA đang thực hiện tại khu vực Tây Bắc. Sau khi phỏng vấn chuyên gia, một số câu hỏi được bổ sung và hiệu chỉnh. Hai nhóm thang đo khảo sát sau khi có sự hiệu chỉnh theo ý kiến của các chuyên gia được đưa ra như bảng 1.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Mẫu

Đối tượng khảo sát trong nghiên cứu gồm: cán bộ tham gia công tác quản lý ODA (CBQL) và người dân hưởng lợi từ ODA. Với mỗi nhóm đối tượng, tác giả xây dựng một bảng hỏi riêng, trong đó nội dung các câu hỏi được hiệu chỉnh để phù hợp với việc thu thập ý kiến hiệu quả nhất.

Tác giả đã tiến hành khảo sát tại 33 dự án ODA, trong đó: Sơn La 16 dự án, Lai Châu 8 dự án và Điện Biên 9 dự án. Công việc khảo sát thực hiện từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 8 năm 2013, số lượng phiếu khảo sát phát ra đối với CBQL các cấp là 185 phiếu, số phiếu thu về là 178 phiếu, số phiếu hợp lệ là 171 phiếu, chiếm tỷ lệ 92%, số lượng phiếu khảo sát phát ra đối với đối tượng là người dân các khu vực dự án là 480 phiếu, số phiếu thu về là 425, số phiếu hợp lệ là 376 phiếu, chiếm tỷ lệ 78,3%.

2.2.2. Phương pháp phân tích

Dữ liệu sau khi được thu thập về, tiến hành mã hóa, kiểm tra. Sau đó, xử lý dữ liệu được tiến hành dựa vào ứng dụng phần mềm SPSS. Các bước của giai đoạn phân tích gồm:

Thống kê mô tả và thống kê suy luận, các thống kê mô tả sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm các tần số, tỷ lệ, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm, do vậy để thuận tiện cho việc nhận xét khi sử dụng giá trị trung bình (mean), tác giả quy ước:

- Mean = 1,00- 2,00: Mức rất thấp
- Mean = 2,00 - 3,00: Mức thấp
- Mean = 3,00 – 3,24: Mức trung bình thấp
- Mean = 3,25 – 3,49: Mức trung bình
- Mean = 3,50 – 3,74: Mức trung bình khá
- Mean = 3,75 – 3,99: Mức khá
- Mean = 4,00- 5,00: Mức cao

Đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của thang đo, trong nghiên cứu này áp dụng hệ số tương quan alpha của Cronbach được sử dụng để đánh giá độ tin cậy của từng thang đo, đánh giá độ phù hợp của

**Bảng 1: Thang đo khảo sát được sử dụng trong đánh giá hiệu quả sử dụng ODA
tiểu vùng Tây Bắc**

Tiêu chí	Ký hiệu	Các phát biểu dùng để khảo sát đối tượng cán bộ quản lý	Nguồn	Thang đo
Phù hợp	PH1	Các mục tiêu của chương trình, dự án ODA nhất quán với chiến lược, mục đích và ưu tiên của tỉnh, khu vực và của toàn xã hội.	MOFA	Likert 5 điểm
	PH2	Chương trình, dự án ODA phù hợp với chính sách phát triển của địa phương, khu vực.		
	PH3	Chương trình, dự án có phương pháp thực hiện phù hợp với khả năng/năng lực thực hiện của địa phương		
	PH4	Tiến trình thực hiện các chương trình, dự án ODA phù hợp và đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra	Bổ sung theo ý kiến chuyên gia	
	PH5	Tính phù hợp trong việc hỗ trợ, phối hợp của các bên trong quá trình thực hiện chương trình, dự án ODA		
	PH6	Chương trình, dự án ODA phù hợp với chính sách của nhà tài trợ		
Hiệu quả	HQ1	Các chương trình, dự án ODA có tiến độ thực hiện đảm bảo theo kế hoạch	MOFA	Bổ sung theo ý kiến chuyên gia
	HQ2	Các mục tiêu đề ra ban đầu đạt được khi dự án kết thúc		
	HQ3	Vốn ODA cấp đáp ứng tốt để thực hiện mục tiêu của các chương trình, dự án ODA		
	HQ4	Đội ứng phía Việt Nam được bố trí đầy đủ, kịp thời để thực hiện các chương trình, dự án ODA		
Hiệu suất	HS1	Các mục tiêu trong thực hiện chương trình, dự án đã được chi tiêu hài hòa, hợp lý	MOFA	Bổ sung theo ý kiến chuyên gia
	HS2	Các đầu vào ODA mang lại hiệu quả cao trong các kết quả đầu ra của chương trình, dự án		
	HS3	Sự kết hợp giữa các bên ở phía Việt Nam trong quá trình đề xuất tài trợ hiện nay là tốt		
	HS4	Hợp tác với nhau giữa các đơn vị liên quan trong việc quản lý và sử dụng ODA bên phía Việt Nam hiện nay là tốt		
	HS5	Các mục tiêu trong thực hiện chương trình, dự án đã được chi tiêu hài hòa, hợp lý		
Tác động	TD1	Mức độ tác động của dự án đối với địa phương trong 3-4 năm nữa là tốt	MOFA	Bổ sung theo ý kiến chuyên gia
	TD2	Dự án này không có nhân tố nào cản trở việc đạt được mục tiêu tổng thể		
	TD3	Dự án này có tác động tốt tới địa phương		
Bền vững	BV1	Tỉnh, huyện, xã hiện nhiên thực hiện các cam kết của mình để tiếp tục vận hành những kết quả sau khi hoàn thành các chương trình dự án ODA	MOFA	Bổ sung theo ý kiến chuyên gia
	BV2	Tỉnh, huyện, xã hiện nhiên thực hiện việc phân bổ đầy đủ các nguồn lực để đảm bảo vận hành các chương trình, dự án ODA khi kết thúc		
	BV3	Quy định liên quan sẽ được chuẩn bị và thiết lập khi dự án kết thúc? Dự án đã thiết lập cơ chế vận hành và quản lý hoạt động để duy trì hoạt động khi dự án kết thúc		
	BV4	Dự án sẽ xây dựng cơ chế phổ biến hiệu quả khi dự án kết thúc		
	BV5	Dự án sẽ tiếp tục được theo dõi, giám sát, đánh giá của các cấp khi dự án đã kết thúc		

từng mục hỏi (Parasuraman & cộng sự, 1991). Khi đánh giá độ phù hợp của từng mục hỏi, những mục hỏi có hệ số tương đương với biến tổng (item-total correlation) lớn hơn hoặc bằng 0,3 được coi là những mục hỏi có độ tin cậy bảo đảm (Nguyễn Công Khanh, 2005), ngược lại nếu hệ số tương quan

biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại bỏ ra khỏi thang đo.

Phân tích nhân tố khám phá EFA, trong nghiên cứu này, phân tích EFA sử dụng phương pháp principal components với phép varimax và điểm dừng khi trích các yếu tố có eigenvalue ≥ 1 được sử dụng

Bảng 2: Kết quả kiểm định dữ liệu khảo sát cán bộ quản lý về các yếu tố thể hiện hiệu quả sử dụng ODA

Tính phù hợp- Lần 1		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
PH1	0,45	0,527
PH2	0,539	0,486
PH3	0,453	0,524
PH4	0,239	0,609
PH5	0,237	0,611
PH6	0,235	0,608
Tính phù hợp- Lần 2		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
PH1	0,625	0,828
PH2	0,726	0,73
PH3	0,725	0,732
Tính hiệu quả		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
HQ1	0,784	0,863
HQ2	0,751	0,878
HQ3	0,772	0,868
HQ4	0,787	0,862
Tính hiệu suất		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
HS1	0,592	0,841
HS2	0,632	0,832
HS3	0,622	0,834
HS4	0,701	0,813
HS5	0,784	0,79
Tính tác động		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
TD1	0,611	0,702
TD2	0,595	0,72
TD3	0,634	0,676
Tính bền vững		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
BV1	0,825	0,903
BV2	0,788	0,911
BV3	0,743	0,919
BV4	0,848	0,898
BV5	0,812	0,906

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát

(Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Trong quá trình phân tích EFA các item, thang đo không đạt yêu cầu sẽ bị loại. Tiêu chuẩn chọn là các item phải có hệ số tải nhân tố (factor loading) >0,4, tổng phương sai trích $\geq 50\%$ (Gerbing D.W. & J.C. Anderson, 1988), hệ số của phép thử KMO (Kaiser-Meyer-Olkin of Sampling Adequacy) có giá trị từ 0,5 trở lên và phép thử Bartlett (bartlett Test of

Sphericity) phải ở mức có ý nghĩa.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kiểm định thang đo khảo sát

3.1.1. Kết quả kiểm định dữ liệu khảo sát cán bộ quản lý

Kết quả cho thấy, đối với thang đo khảo sát tính phù hợp các biến quan sát PH4, PH5, PH6 có hệ số tương quan biến tổng ở mức thấp hơn 0,3, do đó các

Bảng 3: Kết quả kiểm định dữ liệu khảo sát người dân về các yếu tố thể hiện hiệu quả sử dụng ODA

Tính phù hợp		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
PH1	0,829	0,892
PH2	0,812	0,894
PH3	0,757	0,902
PH4	0,676	0,913
PH5	0,81	0,895
PH6	0,698	0,91
Tính hiệu quả		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
HQ1	0,629	0,739
HQ2	0,581	0,761
HQ3	0,675	0,717
HQ4	0,562	0,769
Tính tác động		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
TD1	0,737	0,759
TD2	0,706	0,789
TD3	0,692	0,803
Tính bền vững		
Biến	Tương quan biến tổng	Cronbach-alpha nếu loại biến
BV1	0,686	0,843
BV2	0,725	0,836
BV3	0,739	0,833
BV4	0,683	0,845
BV5	0,662	0,849

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát

biến này cần phải loại bỏ khỏi thang đo. Sau khi loại bỏ ba biến này, thang đo có được hệ số tin cậy là 0,831, các hệ số tương quan biến tổng và hệ số Cronbach-alpha nếu loại biến đều đảm bảo, do đó dữ liệu của thang đo sau khi bỏ các biến là đảm bảo độ tin cậy; Với các thang đo khác, hệ số Cronbach-alpha đều đạt mức cao trên 0,7, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều đạt trên 0,3, do đó dữ liệu của các thang đo đã đảm bảo độ tin cậy, không có biến quan sát nào nữa cần bị loại bỏ khỏi thang đo.

3.1.2. Kết quả kiểm định dữ liệu khảo sát người dân hưởng lợi

Kết quả kiểm định cho thấy, dữ liệu khảo sát người dân đều có hệ số Cronbach-alpha đạt giá trị cao, thấp nhất trong đó là giá trị 0,797 của thang đo tính hiệu quả. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều đạt giá trị cao hơn 0,5 cho thấy có sự tương quan tốt giữa biến quan sát và thang đo mà các biến đó biểu diễn. Như vậy dữ liệu khảo sát của

các thang đo đã đảm bảo độ tin cậy.

3.2. Kết quả đánh giá của các đối tượng khảo sát về hiệu quả sử dụng ODA

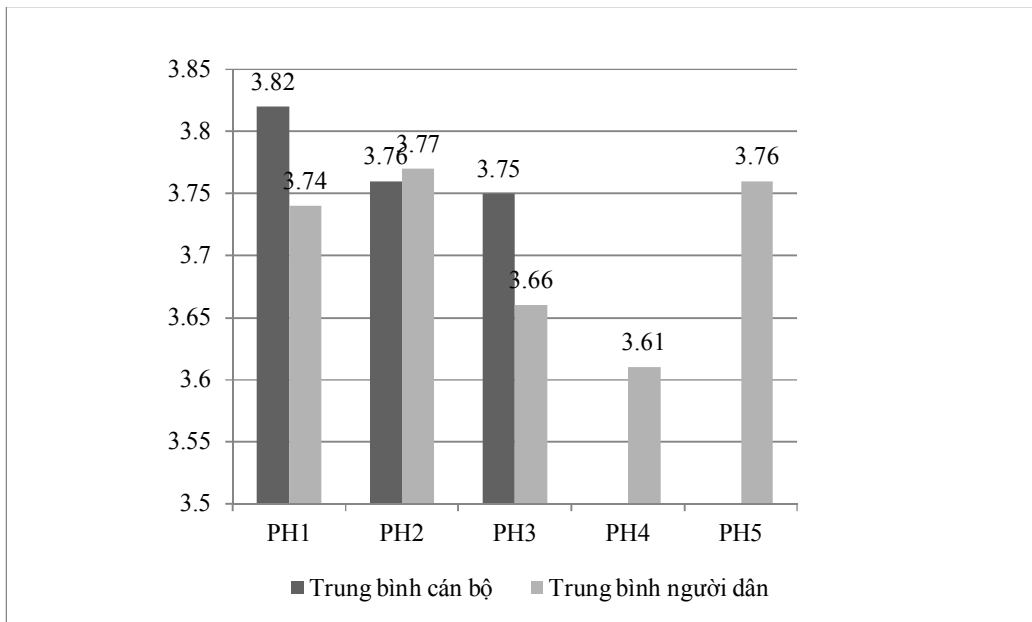
3.2.1. Đánh giá về tính phù hợp

Kết quả thống kê cho thấy, cán bộ quản lý và người dân đánh giá khá cao ở các nhận định đối với tính phù hợp của dự án. Trong đó nhận định PH1 được đánh giá cao nhất với mức điểm 3,82 và 3,74, cho thấy ODA đã phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của từng tỉnh. Khi đánh giá về PH3 mức điểm trung bình đạt 3,75 và 3,66, mặc dù là một mức điểm từ trung bình khá, tuy nhiên đây là yếu tố quan trọng để đảm bảo các dự án ODA có thể được thực hiện thuận lợi, vì thế cũng cần có những biện pháp nâng cao tính phù hợp của dự án với khả năng, năng lực thực hiện của địa phương, đặc biệt là khu vực Tây Bắc.

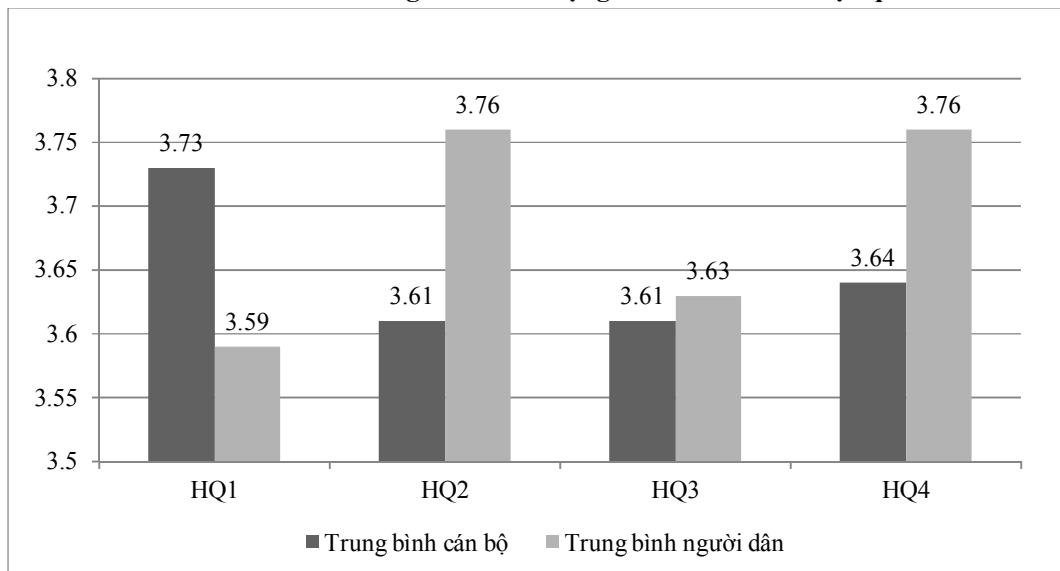
3.2.2. Đánh giá về tính hiệu quả

Kết quả đánh giá cho thấy, các nhận định về tính

Hình 1: Điểm đánh giá của đối tượng khảo sát về tính phù hợp



Hình 2: Điểm đánh giá của đối tượng khảo sát về tính hiệu quả



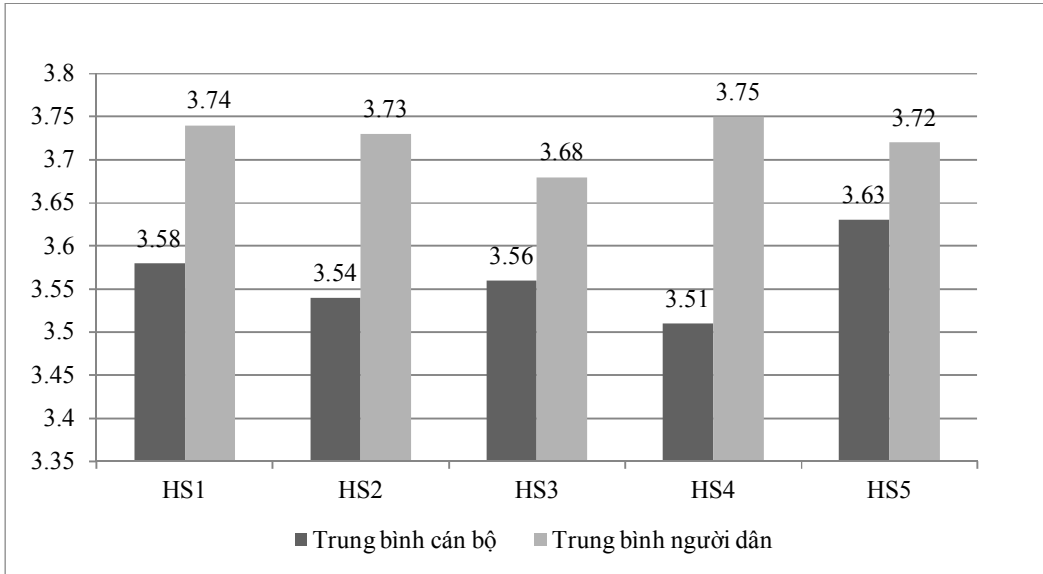
hiệu quả của các dự án ODA đang được đội ngũ cán bộ quản lý ODA cũng như người dân thụ hưởng đánh giá ở mức trung bình khá. Trong đó, HQ1 - được cán bộ đánh giá cao hơn các nhận định khác trong nhóm, với mức điểm 3,73, gần với mức đánh giá khá, người dân thì đánh giá nhận định này lại ở mức thấp nhất trong nhóm với mức điểm 3,59. Các nhận định HQ2, HQ3 được cán bộ đánh giá cùng ở mức điểm 3,61, cho thấy cán bộ điều hành quản lý dự án còn cho rằng các dự án ODA hiện còn chưa thực sự đáp ứng sự kỳ vọng, cũng như những lợi ích mang lại còn ở mức chưa cao. Nhận định HQ4 mức điểm đánh giá ở mức 3,64, cho thấy chưa có đánh

giá tốt về khả năng đối ứng của Việt Nam. Như vậy, không đảm bảo đúng tiến độ là vấn đề thường xuyên xảy ra với các dự án ODA, nguyên nhân có thể là về vốn đối ứng, hay vấn đề phát sinh từ thực tế thi công... Do đó, cần có những giải pháp cải thiện đồng bộ hiệu quả trong các khâu triển khai dự án, qua đó giảm thiểu thời gian chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra.

3.2.3 Đánh giá về tính hiệu suất

Kết quả khảo sát cho thấy, cán bộ quản lý dự án đánh giá không cao đối với hiệu suất của ODA, nhưng người dân hưởng lợi lại đánh giá hiệu suất sử dụng ODA lại đạt mức khá. Với nhận định HS4, cán

Hình 3: Điểm đánh giá của đối tượng khảo sát về tính hiệu suất



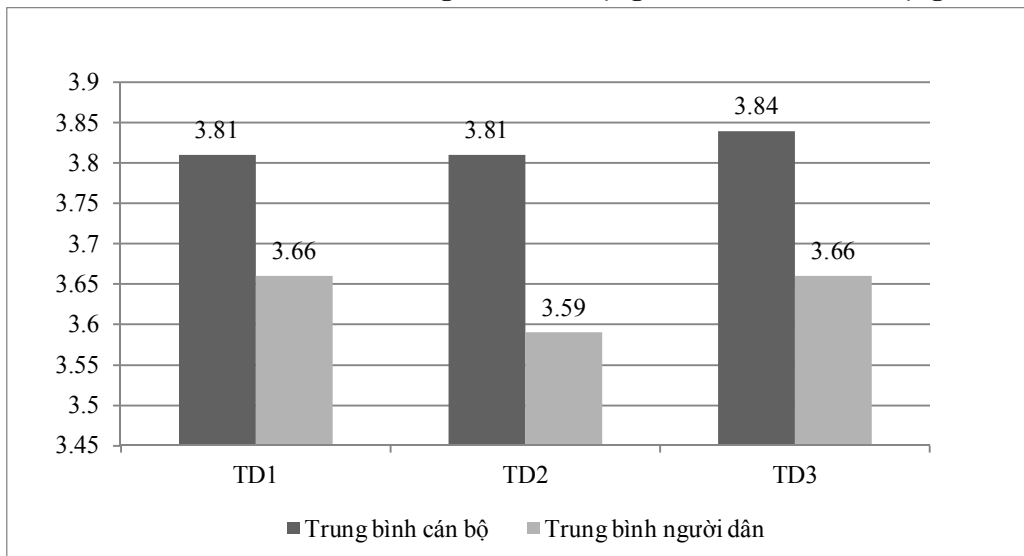
bộ đánh giá mức điểm đánh giá chỉ đạt 3,51, vừa trên mức trung bình, nhưng người dân lại đánh giá cao nhất là 3,75 điều này cho thấy sự hợp tác và phối hợp giữa các đơn vị trong công tác quản lý dự án phía Việt Nam là chưa thật tốt. Nhận định HS2 cũng có mức điểm trung bình đạt 3,54 và 3,73 cho thấy tính hiệu suất thể hiện qua hiệu quả đầu tư của nguồn vốn thông qua kết quả của dự án cũng chưa được đánh giá cao. Trong các nhận định về tính hiệu suất, nhận định HS5 có được mức điểm trung bình cao nhất là 3,63 và 3,72 điều này cho thấy hiệu suất làm việc của hệ thống thông tin, theo dõi, giám sát dự án chưa hoạt động ở mức hiệu quả cao hơn trung bình, đây lại là một trong những khâu quan trọng giúp cho công tác quản lý dự án, cũng như giúp cho

việc giám sát từ xa các dự án được thực hiện hiệu quả.

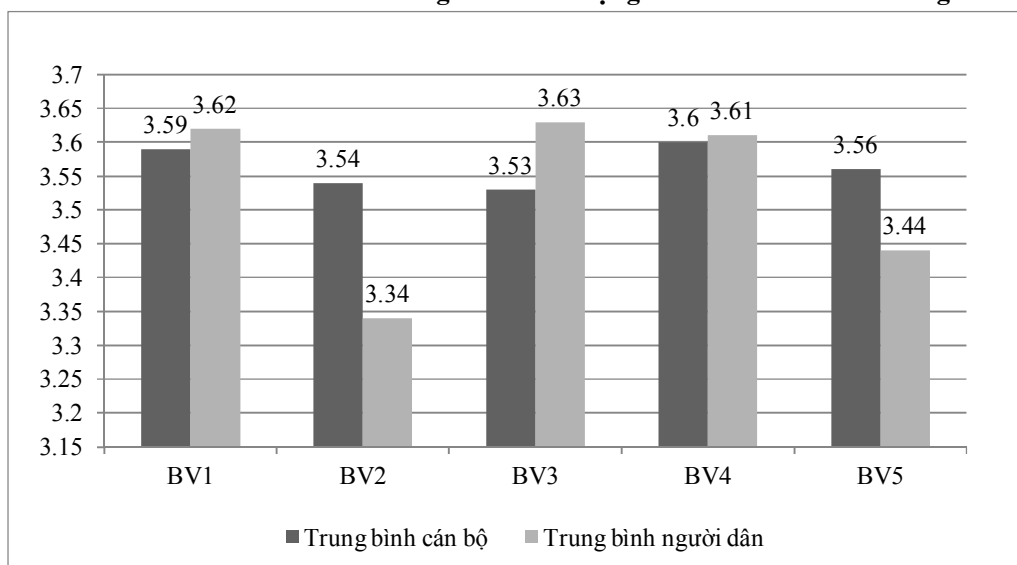
3.2.4. Đánh giá về tính tác động

Đánh giá về tính tác động của dự án, cán bộ và người dân còn đánh giá chưa cao ở tất cả các nhận định. Trong đó, TD2 mức điểm đánh giá là 3,81 và 3,59 cho thấy, vẫn còn tồn tại các vướng mắc từ địa phương, khiến cho dự án chậm triển khai, điển hình nhất có thể kể tới vấn đề về mặt bằng triển khai, cũng như vấn đề vướng mắc từ phía một số người dân không hiểu biết đầy đủ về lợi ích của dự án mà có những hành động cản trở quá trình thi công. TD1 theo đánh giá của cả 2 nhóm đối tượng cũng chưa có sự đồng tình cao, nguyên nhân do một số dự án có những tác động lâu dài như dự án giáo dục, dự án

Hình 4: Điểm đánh giá của đối tượng khảo sát về tính tác động



Hình 5: Điểm đánh giá của đối tượng khảo sát về tính bền vững



trồng rừng,... đây là các dự án phát triển nhiều vấn đề xã hội, nâng cao đời sống người dân, nhưng ảnh hưởng có thể không trực tiếp, không tức thời, do đó nhiều người dân chưa thấy được mức độ tác động lâu dài của các dự án này.

3.2.5. Đánh giá về tính bền vững

Kết quả đánh giá về tính bền vững của dự án,

mức đánh giá là thấp, đặc biệt nhất là nhận định BV2. Điều này thể hiện sự yếu kém trong khâu quản lý, khai thác và sử dụng các dự án, dẫn tới giảm đáng kể tính bền vững mà dự án mang lại. Nhận định BV3 cũng được đánh giá không cao ở mức 3,53 và 3.63. Qua đó, ta thấy sự quan tâm để các dự án ODA có thể được vận hành sau khi hoàn thành

Bảng 4: Tổng hợp phân tích nhân tố thể hiện hiệu quả sử dụng ODA

Biến	1	2	3	4	5
BV4	,906				
BV1	,886				
BV5	,869				
BV2	,858				
BV3	,820				
HS5		,867			
HS4		,823			
HS3		,759			
HS2		,759			
HS1		,727			
HQ4			,876		
HQ1			,875		
HQ3			,872		
HQ2			,842		
PH2				,888	
PH3				,869	
PH1				,814	
TD3					,844
TD2					,823
TD1					,816
Eigenvalues	4,753	3,112	2,558	2,101	1,968
Phương sai trích	19,336	35,207	50,591	61,957	72,464
KMO= 0,798			Sig= 0,000		

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát

đang không được thực hiện tốt ở các cấp cơ sở xã, bản. Tương tự với BV5 mức điểm cũng chỉ đạt 3,56 và 3,44 thể hiện các đơn vị quản lý cấp tỉnh, huyện và xã chưa chú trọng tới việc phân bổ nguồn lực để có thể vận hành các dự án trên địa phương mình,...

3.3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) thể hiện hiệu quả sử dụng ODA

Kết quả phân tích nhân tố khám phá đối với nhóm thang đo đo lường các yếu tố thể hiện hiệu quả sử dụng ODA được tổng hợp theo bảng 4.

Kết quả kiểm định cho thấy, hệ số KMO = 0,798 > 0,5, giá trị Sig = 0,000 < 0,05, do đó kết quả phân tích nhân tố đảm bảo được độ tin cậy và mức ý nghĩa thống kê; Giá trị tổng phương sai trích bằng 72,46, lớn hơn 50%, cho thấy các nhân tố được phân tích từ phép phân tích có thể biểu diễn được 72,46% dữ liệu thu được từ kết quả khảo sát, đây là một tỷ lệ cao, thể hiện được sự hội tụ ở mức cao của các nhân tố; Giá trị Eigenvalues của nhân tố thứ năm là 1,968 > 1, cho thấy có năm nhân tố được đưa ra từ phép phân tích; Kết quả này cho thấy, tính hội tụ của các biến quan sát trong một thang đo khảo sát là đảm bảo, các nhân tố được đưa ra từ lý thuyết cũng thể hiện sự phù hợp cao với dữ liệu khảo sát thực tế thông qua hệ số phương sai trích đạt mức cao. Do đó thang đo được xây dựng trên cơ sở lý thuyết đã thể hiện được độ tin cậy và chính xác.

4. Thảo luận về hiệu quả sử dụng ODA vùng Tây Bắc

Từ phân tích hiệu quả sử dụng ODA trên đây, tác giả rút ra một số đánh giá tổng thể về hiệu quả sử dụng ODA của các tỉnh khu vực Tây Bắc, Việt Nam như sau:

4.1. Kết quả đạt được

ODA thời gian qua triển khai tại các tỉnh Tây Bắc là không nhiều, quy mô dự án là nhỏ, tỷ lệ đóng góp vào tổng mức đầu tư của toàn tỉnh là không cao, nhưng không thể phủ nhận thành quả và tác động của ODA đối với các tỉnh Tây Bắc. Những thành quả đã đạt được là:

Thứ nhất, ODA đã góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý (Ban Chỉ đạo Tây Bắc, 2013; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên, 2013, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu, 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La, 2003), thông qua việc sử dụng ODA cho tập trung đầu tư, nâng cấp, cải tạo và xây dựng các công trình phục vụ nhu cầu bức thiết như: đường giao thông nông thôn, hệ

thống điện, cấp thoát nước,... (Vụ Kinh tế đối ngoại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2007, 2008, 2010). Tây Bắc từ chỗ cơ sở hạ tầng của khu vực, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa còn yếu và thiếu, nhờ có hoạt động đầu tư các công trình đã góp phần tăng cường đi lại, giao lưu, buôn bán và trao đổi của người dân; thúc đẩy hoạt động dịch vụ - thương mại, cải thiện cơ cấu ngành dịch vụ trong tổng cơ cấu GDP (Kết quả khảo sát tác động - TD của ODA nằm ở mức khá).

Thứ hai, ODA chủ yếu được sử dụng nhằm xóa đói giảm nghèo, tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (chiếm 48% tổng ODA của cả khu vực). Các chương trình, dự án ODA đã nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, cải tạo và xây dựng mới hệ thống thủy lợi, mở rộng diện tích đất canh tác, phát triển hệ thống sau thu hoạch và đưa các công nghệ mới vào sản xuất để đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp nhằm khai thác được thị trường tiêu thụ. Qua đó, thu nhập và điều kiện sống của người dân khu vực vùng sâu, vùng xa đã được cải thiện, góp phần tích cực vào công cuộc xoá đói, giảm nghèo ở các tỉnh tiểu vùng Tây Bắc nói riêng và Việt Nam nói chung.

Thứ ba, thực hiện các chương trình, dự án ODA giúp cho các thôn bản, các xã, các huyện và các tỉnh tiểu vùng Tây Bắc thực hiện được mục tiêu chiến lược, kế hoạch của tỉnh và Nhà nước (PH1, PH2 – mức 3,77 điểm – mức khá). Hiệu quả của các chương trình dự án ODA đã thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Thứ tư, các chương trình, dự án sử dụng ODA có bền vững (nhưng chỉ ở mức trung bình khá). Điều này được thể hiện mặc dù đã kết thúc nhưng các chương trình, dự án này vẫn được chính quyền địa phương các cấp tiếp tục quan tâm để phát huy cho các dự án đó sẽ tiếp tục được thực hiện, tiếp tục được sử dụng trong lâu dài.

Thứ năm, tiến độ giải ngân ODA của các tỉnh vùng Tây Bắc là gần bằng với tiến độ chung của cả nước, được người dân đánh giá ở mức trung bình khá. Mặc dù tiến độ giải ngân này không cao nhưng bằng với cả nước đã là một thành công (khu vực Tây Bắc trong 20 năm qua là 65,68%, còn tỷ lệ trung bình của Việt Nam giai đoạn này là 65,55%), cố gắng nỗ lực thực hiện các chương trình, dự án ODA để ODA đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống người dân.

Thứ sáu, thực hiện các chương trình, dự án ODA được cho là phù hợp với năng lực thực hiện của địa phương, của người dân tham gia, của ban quản lý,... (PH3 – mức khá). Đây có thể được coi là bài học kinh nghiệm trong nâng cao hiệu quả sử dụng ODA.

4.2. Những nguyên nhân còn tồn tại làm giảm hiệu quả sử dụng ODA các tỉnh vùng Tây Bắc

Bên cạnh những thành công trong việc thu hút và sử dụng ODA của các tỉnh tiểu vùng Tây Bắc ở trên, việc sử dụng ODA vẫn còn nhiều hạn chế và chưa đạt yêu cầu. Những hạn chế trong quá trình sử dụng ODA đã làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn này. Trong quá trình tìm hiểu thực trạng sử dụng ODA có thể thấy rất rõ những hạn chế và nguyên nhân còn tồn tại:

Thứ nhất, hiệu quả sử dụng ODA của các tỉnh Tây Bắc nói chung, của từng tỉnh nói riêng đều ở mức độ trung bình. Sự phù hợp chung trong việc thực hiện dự án cũng chỉ đạt ở mức trung bình. Sự tác động đến mọi mặt đời sống xã hội cũng chỉ ở mức trung bình. Sự bền vững của ODA cũng là một yếu tố đạt mức độ trung bình.

Thứ hai, tiến độ thực hiện của các dự án là rất chậm, mức độ phù hợp của ODA với năng lực của địa phương trong việc thực hiện, hấp thụ và quản lý ODA chưa cao. Tiến độ thực hiện các chương trình dự án hầu hết là kéo dài so với ký kết, thường xuyên phải gia hạn. Giải ngân ODA thường chậm kế hoạch, riêng vốn đối ứng thường muộn hơn rất nhiều so với thời gian kết thúc dự án.

Thứ ba, tỷ lệ giải ngân ODA là rất thấp, như đã thấy ở trên tiến độ giải ngân so với kế hoạch từng năm chỉ đạt khoảng 60%, còn đối với những dự án đã hoàn thành thì chỉ có thể giải ngân xấp xỉ 80% so với vốn ký kết. Tỷ lệ giải ngân như thế này cũng chính là tồn tại chung của cả nước trong việc sử dụng ODA.

Thứ tư, trong quá trình xây dựng dự án tiền khả thi, thực hiện các chương trình dự án, một số chương trình, dự án chưa thực sự xuất phát từ mục

tiêu, nhu cầu thực sự của địa phương, chưa tính đến năng lực thực hiện của địa phương,... Theo kết quả khảo sát một phần người dân vẫn cho rằng một số dự án chưa xuất phát từ nhu cầu thực tế của dân, của địa phương,... Việc xây dựng sự đóng góp của người dân khi thực hiện dự án cũng chưa tốt, nhiều người dân thấy rằng sự đóng góp sức của mình đã nhiều hơn những gì mà người dân được hưởng.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã khẳng định được hiệu quả sử dụng ODA ở khu vực Tây Bắc chỉ đạt mức trung bình khá. Đồng thời, kết quả đã khẳng định tính phù hợp của thang đo đánh giá về hiệu quả sử dụng ODA thông qua việc kiểm định dữ liệu khảo sát. Kết quả phân tích cũng chỉ ra, có những vấn đề còn hạn chế trong hiệu quả sử dụng ODA và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đó ở khu vực Tây Bắc. Những nguyên nhân nổi bật là tiến độ dự án còn chưa đảm bảo, sự hợp tác giữa các đơn vị hữu quan phía Việt Nam là chưa tốt, hiệu quả đầu ra của các dự án là chưa cao, tính bền vững mà các dự án đóng góp cho cộng đồng ở mức khá thấp, chất lượng cán bộ quản lý dự án còn nhiều hạn chế, chưa mang lại hiệu quả tốt cho hoạt động quản lý dự án ODA, do đó khiến cho hiệu quả của dự án giảm đi. Văn bản pháp luật của Việt Nam về các dự án ODA còn thiếu tính đồng bộ, những thay đổi chính sách thường kéo theo những thay đổi lớn trong hoạt động quản lý dự án, từ đó dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý, những yếu tố về điều kiện tự nhiên, xã hội cũng cho thấy là một trở ngại đối với hiệu quả của dự án ODA.

Để nghiên cứu này được hoàn thiện hơn trong thời gian tới có thể tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng hơn các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng ODA của khu vực Tây Bắc. Từ đó, sẽ đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng ODA của khu vực này. □

Tài liệu tham khảo

- Ban Chỉ đạo Tây Bắc (2013), *Tài liệu Hội nghị cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các dự án ODA, NGO vào vùng Tây Bắc*, Phú Thọ.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Báo cáo đánh giá toàn diện 20 Năm quan hệ hợp tác phát triển giữa Việt Nam và các nhà tài trợ (1993-2013)*, Hà Nội.
- D.W., Gerbing & J.C. Anderson (1988), 'An Updated Paradigm for Scale Development Incorporating Unidimen-

- sionality and Its Assessment', *Journal of Marketing Research*, 25(2), 186-192.
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với Spss*, NXB Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Thông & Nguyễn Quý Thao (2012), *Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Ministry of Foreign Affairs of Japan (2013), *Oda Evaluation Guidelines*.
- Nguyễn Công Khanh (2005), 'Nghiên cứu phong cách học của sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội nhân văn và trường đại học Khoa học tự nhiên', Báo cáo Khoa học đề tài ĐHQGHN, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- OECD (1991), *Dac Principles for the Evaluation of Development Assistance*.
- Parasuraman, Berry & Zeithaml (1991), 'Refinement and Reassessment of the Servqual Scale', *Journal of Retailing*, Winter 1991, 420-50.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên (2013), *Báo cáo 20 Năm hợp tác phát triển giữa Việt Nam và các nhà tài trợ, Điện Biên*.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu (2014), *Báo cáo 20 Năm hợp tác phát triển giữa Việt Nam và các nhà tài trợ, Lai Châu*.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La (2003), *Báo cáo tổng kết 10 năm thu hút và sử dụng Oda tại Tỉnh Sơn La, Sơn La*.
- Vụ Kinh tế đối ngoại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2007), *Tổng quan tình hình thu hút và sử dụng nguồn vốn Oda ở Việt Nam Thời kỳ 1993-2007*, Hà Nội.
- Vụ Kinh tế đối ngoại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2008), *Báo cáo tình hình thu hút và sử dụng Oda của các tỉnh Trung Du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2005 - 2007*, Hà Nội.
- Vụ Kinh tế đối ngoại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2010), *Tổng quan về ODA ở Việt Nam 15 năm (1993-2008)*, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Thị Lan Anh**, Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Giảng viên trường Đại học Tây Bắc.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Nghiên cứu ODA, phân tích tài chính doanh nghiệp.

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và dự báo; Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán; Tạp chí Tài chính; Tạp chí Kinh tế và phát triển.

- Địa chỉ Email: lananhsonla@yahoo.com